

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 07/2020

MỤC LỤC tháng 07/2020

1

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

2

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14: Hiệu lực từ ngày 1/7/2020 - Những điểm mới nổi bật.
- Giảm thuế TNDN cho doanh nghiệp có doanh thu dưới 200 tỷ đồng.
- Cách xử lý hóa đơn giá trị gia tăng viết sai nhanh chóng, chính xác.

3

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Nghị định số:53/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2020 của Chính Phủ.
- Thông tư số:37/2020/TT-BTC ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số:09/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Công Thương.

4

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 07/2020



HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 11

Hỏi đáp

12 - 17

Các công văn liên quan đến chính sách thuế



HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Tôi đang công tác tại Phòng Giáo dục. Phòng Giáo dục có công trình sửa chữa giếng khoan cho một trường tiểu học được UBND huyện phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật vào ngày 09/11/2018, hợp đồng mua sắm và biên bản nghiệm thu thanh lý đã hoàn thành trước ngày 31/12/2018. Công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp giáo dục năm 2018 (nguồn tự chủ 13).

Vậy năm 2018 không đủ kinh phí để chi trả cho nhà cung cấp thì có được phép sử dụng kinh phí giao đầu năm 2019 để chi trả hay không? Trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

Trường hợp kinh phí giao đầu năm 2019 (dự toán thu, chi NSNN năm 2019 của Phòng Giáo dục được cấp có thẩm quyền giao) có ghi rõ nội dung nhiệm vụ và kinh phí để thực hiện việc sửa chữa giếng khoan cho trường tiểu học (nhiệm vụ thực hiện năm 2018 nhưng chưa đủ kinh phí để chi trả cho nhà cung cấp như câu hỏi của bạn đọc) thì sử dụng kinh phí được giao để tiếp tục thực hiện.

2. Hỏi:

Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, kế toán trưởng không được ký thừa ủy quyền của người đứng đầu doanh nghiệp trên chứng từ kế toán. Tuy nhiên, đối với 1 số chứng từ không phải là chứng từ chi tiền (như chứng từ ghi sổ in ra từ các phần mềm, hoá đơn...), thủ trưởng đơn vị ủy quyền cho kế toán trưởng ký phê duyệt thì kế toán trưởng có được ký tại chức danh thủ trưởng đơn vị không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 118 Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính thì kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền) không được ký “thừa ủy quyền” của người đứng đầu doanh nghiệp trên chứng từ kế toán. Do đó, việc thủ trưởng đơn vị ủy quyền cho kế toán trưởng ký phê duyệt trên chứng từ kế toán (ký tại chức danh thủ trưởng đơn vị) là không phù hợp với quy định nêu trên của pháp luật kế toán.

HỎI ĐÁP

3. Hỏi:

Tôi làm việc tại BQLDA Đầu tư xây dựng, thuộc đối tượng áp dụng Thông tư 79/2019/TT-BTC. Đối với chi phí QLDA, phải làm chứng từ tạm ứng tại KB về tài khoản tiền gửi (Mẫu 16b1, Nghị định 11), sau đó làm bảng phân bổ (Mẫu 13, Nghị định 11) cùng chứng từ thanh toán tạm ứng (Mẫu 05c, Nghị định 11). Theo TT79, Phụ lục 02 “Khi xác định chi phí chủ đầu tư được trích để lại dùng cho hoạt động của BQLDA ghi N243/C343”, vậy ghi N243/C343 khi tạm ứng hay khi thanh toán tạm ứng?

Trả lời:

Câu hỏi của độc giả về hạch toán kế toán chi phí ban quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Thông tư 79/2019/TT-BTC, Cục Quản lý giám sát Kế toán, Kiểm toán - BTC có ý kiến như sau:

Theo hướng dẫn tại mục II, Phụ lục 02 của Thông tư 79/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính, trường hợp đơn vị tạm ứng chi phí quản lý dự án sử dụng vốn NSNN từ KBNN về tài khoản tiền gửi đơn vị:

- Căn cứ giấy rút dự toán tạm ứng kinh phí QLDA, đã có xác nhận KBNN ghi:

Nợ TK 243- Xây dựng cơ bản dự án, công trình

Có TK 343- Nguồn kinh phí đầu tư XD CB dự án, công trình.

Đồng thời ghi: Có TK 009- Dự toán chi đầu tư XD CB (00911, 00921)

Đồng thời ghi: Nợ TK 112- Tiền gửi NH, KB

Có TK 337- Tạm thu (3378)

Đồng thời ghi: Nợ TK 018- Thu hoạt động khác được để lại

- Khi thanh toán tạm ứng, căn cứ giấy đề nghị thanh toán tạm ứng đã có xác nhận KBNN, ghi:

Có TK 009- Dự toán chi đầu tư XD CB (00911, 00921)- Ghi âm

Có TK 009- Dự toán chi đầu tư XD CB (00912, 00922)- Ghi dương

Đề nghị độc giả nghiên cứu thực hiện.

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Công ty cổ phần Bột giặt Lix là doanh nghiệp do công ty nhà nước sở hữu 51% vốn điều lệ, đồng thời có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE). Chúng tôi có 1 vài vướng mắc liên quan một số nội dung theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019, kính hỏi Bộ Tài chính giải đáp:

1. Trường hợp Công ty chúng tôi không thuê tổ chức kiểm toán độc lập để cung cấp dịch vụ kiểm toán nội bộ thì có bắt buộc Công ty phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ kể từ ngày 01/4/2020 không.
2. Trường hợp Công ty phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định thì bộ phận kiểm toán nội bộ sẽ do Hội đồng quản trị hay Tổng giám đốc thành lập.
3. Khi đã thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ, ai là người có thẩm quyền phân công người phụ trách bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty. Kính mong Bộ Tài chính giải đáp

Trả lời:

1. Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định công ty niêm yết phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ. Theo đó, Công ty cổ phần Bột giặt LIX thuộc đối tượng phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ. Nghị định 05 không quy định cụ thể về tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ. Công ty căn cứ vào mô hình tổ chức, yêu cầu quản trị và điều kiện cụ thể của mình để quyết định việc tổ chức kiểm toán nội bộ.

2. Căn cứ Điểm i) và điểm l) khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Đồng thời căn cứ điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 quy định quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc Công ty cổ phần.

Như vậy, căn cứ các quy định trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách công tác kiểm toán nội bộ thuộc về Hội đồng Quản trị hay Giám đốc/Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Công ty có thể tham khảo các khuyến nghị trong Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam (do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính quốc tế IFC phối hợp phát hành tháng 8/2019) khi tổ chức kiểm toán nội bộ.

HỎI ĐÁP

5. Hỏi:

Theo quy định về sửa chữa sổ kế toán tại điều 27 Luật kế toán 2015: "số liệu ghi sai phải sửa chữa theo một trong ba phương pháp sau đây:

- a) Ghi cải chính bằng cách gạch một đường thẳng vào chỗ sai và ghi số hoặc chữ đúng ở phía trên và phải có chữ ký của kế toán trưởng bên cạnh;
- b) Ghi số âm bằng cách ghi lại số sai bằng mực đỏ hoặc ghi lại số sai trong dấu ngoặc đơn, sau đó ghi lại số đúng và phải có chữ ký của kế toán trưởng bên cạnh;
- c) Ghi điều chỉnh bằng cách lập "chứng từ điều chỉnh" và ghi thêm số chênh lệch cho đúng. Như vậy điểm c, điều 27, Luật kế toán 2015 được hiểu như thế nào là đúng ạ? Có phải là có thể ghi số âm hoặc ghi bổ sung khi lập chứng từ điều chỉnh không? Nhờ Quý Bộ nói rõ hơn.

**Trả lời:**

Tại khoản c Điều 27 Luật kế toán quy định về sửa chữa sổ kế toán có nêu "Ghi điều chỉnh bằng cách lập chứng từ điều chỉnh và ghi thêm số chênh lệch cho đúng".

Theo quy định này, kế toán có thể ghi bổ sung (nếu số đúng > số sai) hoặc ghi âm (nếu số đúng < số sai).

HỎI ĐÁP

6. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài Chính. Công ty tôi có khoảng 350 số hóa đơn điện tử đầu vào mỗi tháng. Trong quá trình đối chiếu, bộ phận kế toán thấy có một số lượng lớn hóa đơn điện tử chỉ có thể tra cứu và xem được ở định dạng văn bản PDF, hoặc tra cứu được nhưng lại không xem được nội dung của định dạng XML. Công ty chúng tôi đã yêu cầu các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ bổ sung hóa đơn điện tử định dạng văn bản XML nhưng chỉ nhận được trả lời là chỉ có hóa đơn điện tử định dạng PDF mà không có XML.

Xin Bộ Tài Chính hướng dẫn Công ty chúng tôi về việc lưu trữ hóa đơn điện tử ở định dạng văn bản nào (PDF, XML, hóa đơn điện tử chuyển đổi) làm chuẩn và phục vụ công tác giải trình khi có yêu cầu của cơ quan thẩm quyền. Cần sử dụng phần mềm hỗ trợ nào để đọc được định dạng văn bản XML. Rất mong nhận được sự phản hồi!

Trả lời:

- Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Định dạng hóa đơn điện tử.

Từ các căn cứ nêu trên: Trường hợp Độc giả mua hàng hóa và được người bán chuyển hóa đơn điện tử bằng file PDF, không có file XML là không đúng quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính (file PDF không phải là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử). Đề nghị độc giả liên hệ với người bán hàng để được cung cấp hóa đơn điện tử theo thỏa thuận giữa người mua và người bán quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 32/2011/TT-BTC. Khi xuất trình hóa đơn điện tử lưu trữ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải đảm bảo giá trị pháp lý quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính.

Để đọc được định dạng văn bản XML, Độc giả có thể vào trang thuedientu.gdt.gov.vn chọn mục Hỗ trợ cài đặt phần mềm đọc file XML tải về máy tính cá nhân để đọc dữ liệu.

Trường hợp, Độc giả có nhu cầu chuyển đổi hóa đơn điện tử ra hóa đơn giấy để phục vụ lưu trữ thì thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính.

HỎI ĐÁP

7. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài Chính, Công ty tôi là công ty PLP (VietNam) có vốn đầu tư 100% nước ngoài từ PLP (Thailand). Chúng tôi đang thực hiện kí kết hợp đồng mua bán với công ty A (công ty thương mại tại Việt Nam). Công ty A muốn PLPVN bán cho A theo phương thức nhận hàng tại nhà máy của công ty A tại Mỹ (PLP US) hoặc giao hàng tại cảng ở US. Công ty A bán cho Công ty B (B là chủ đầu tư dự án tại Việt Nam) theo hình thức nhận hàng tại cảng ở Việt Nam. Người nhập lô hàng mà PLPVN bán cho A là B (khách hàng của A). Tôi muốn hỏi Bộ Tài Chính là Công ty tôi có được phép bán cho A ngoài lãnh thổ Việt Nam hay không. Nếu có, thì sẽ được thực hiện như thế nào về mặt nhập khẩu và khai báo hải quan. Trách nhiệm của chúng tôi ở lô hàng nhập này là như thế nào. Nếu lô hàng này chúng tôi không phải là người nhập khẩu vào Việt Nam, thì hóa đơn đầu ra chúng tôi cần xuất như thế nào. Hoặc Bộ Tài Chính có thể giải đáp giúp tôi quy trình đúng mà chúng tôi cần làm để kí hợp đồng mua bán này. Tôi xin chân thành cảm ơn.

Trả lời:

Căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định về những đối tượng khai hải quan.

Căn cứ khoản 2 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì: "...Trường hợp chủ hàng mua hàng từ người bán tại Việt Nam nhưng được người bán chỉ định nhận hàng từ nước ngoài thì cơ quan hải quan chấp nhận hóa đơn do người bán tại Việt Nam phát hành cho chủ hàng."

Hồ sơ hải quan, khai hải quan, đăng ký tờ khai hải quan thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 16, 18, 19 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, 7, 8 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

Đề nghị bạn đọc tham khảo nội dung quy định nêu trên, đối chiếu với thực tế hợp đồng mua bán hàng hóa, hàng hóa nhập khẩu, loại hình nhập khẩu hàng hóa để thực hiện theo đúng quy định. Trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị bạn đọc liên hệ trực tiếp Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai để được hướng dẫn cụ thể.

HỎI ĐÁP

8. Hỏi:

Công ty tôi là Công ty Cổ phần có vốn Nhà Nước chiếm 51%, đầu tư dự án nhóm A, thời gian thực hiện từ năm 2018 đến năm 2022, DA sử dụng vốn vay và vốn hợp pháp khác của Công ty. Năm 2019 Công ty tôi đã đấu thầu rộng rãi gói thầu kiểm toán, phí tính theo Thông tư 64/2018, ký hợp đồng trọn gói. Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán ngay sau khi ký kết hợp đồng, dự kiến năm 2022 sẽ phát hành Báo cáo kiểm toán. Nay Bộ Tài chính ban hành Thông tư 10/2020/TT-BTC, như vậy Công ty tôi có phải yêu cầu Nhà thầu kiểm toán ký Phụ lục Hợp đồng xác định lại phí theo thông tư 10 không?

Trả lời:

1. Độc giả có nêu dự án sử dụng vốn vay và vốn hợp pháp khác của Công ty cổ phần có vốn Nhà Nước chiếm 51%. Do đó việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính.

2. Về kiểm toán theo quy định tại Thông tư số 64/2018/TT-BTC (Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 1; Căn cứ tại khoản 10 Điều 1) và chuyển tiếp tại Điều 26 Thông tư số 10/2020/TT-BTC (hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2020) quy định xử lý chuyển tiếp như sau:

“Dự án, tiểu dự án, công trình, hạng mục công trình độc lập đã nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và các hợp đồng kiểm toán độc lập đã ký trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.”

Theo quy định nêu trên, các hợp đồng kiểm toán độc lập đã ký kết theo đúng quy định tại Thông tư số 64/2018/TT-BTC nêu trên trước ngày 10/4/2020: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 64/2018/TT-BTC.

HỎI ĐÁP

9. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính, Công ty tôi kê khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Tháng 4/2020 công ty tôi có mua gạo của công ty A để tặng công nhân viên, đã thanh toán bằng chuyển khoản. Hóa đơn của bên A xuất cho công ty tôi không có VAT. Trường hợp này công ty tôi có phải xuất hóa đơn đầu ra như những mặt hàng cho, biếu, tặng khác không? Nếu có thì để gạo là mặt hàng không chịu thuế hay chịu thuế 5% ạ. Rất mong nhận được câu trả lời từ Quý cơ quan.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

- Tại khoản 1 Điều 1 sửa đổi khoản 1 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC quy định đối tượng không chịu thuế GTGT;
- Tại khoản 7 Điều 3 Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Thông tư 39/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT:

- Tại khoản 5 Điều 5 quy định các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT
- Tại khoản 5 Điều 10 quy định thuế suất thuế GTGT 5%

Căn cứ các quy định trên, Cục thuế TP Hà Nội hướng dẫn độc giả như sau:

Trường hợp Công ty của độc giả thu mua gạo của Công ty A (là công ty trực tiếp trồng và bán ra gạo); sau đó sử dụng gạo để cho, biếu, tặng người lao động của Công ty (người tiêu dùng cuối cùng) thì khi cho, biếu, tặng, Công ty thực hiện lập hóa đơn GTGT kê khai, nộp thuế GTGT mặt hàng gạo này theo thuế suất 5% theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Công văn số 44385/CT-TTHT của Cục thuế TP Hà Nội ngày 01/06/2020 v/v chính sách thuế GTGT.

Trường hợp Trung tâm điều độ hệ thống điện TP Hà Nội – Tổng Công ty điện lực Hà Nội phát sinh thu nhập từ hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật thì thuộc đối tượng áp dụng Khoản 13 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định đối tượng không chịu thuế GTGT. Đề nghị Trung tâm liên hệ với cơ quan chuyên ngành (Sở Giáo dục và Đào tạo) để xác định hoạt động đào tạo của chức danh nhân viên vận hành trạm điện và trưởng kíp trạm điện cho nhân viên vận hành trạm điện của Trung tâm thuộc lĩnh vực có phải là hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật hay không, để từ đó có cơ sở xác định thuế suất, thuế GTGT theo đúng quy định của pháp luật.

Hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo của Trung tâm (bao gồm cả trường hợp thuộc hoặc không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) nếu cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dung trong khu phi thuế quan thì được xác định là dịch vụ xuất khẩu và áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện tại tiết b Khoản 2 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

2. Công văn số 44393/CT-TTHT của Cục thuế TP Hà Nội ngày 01/06/2020 v/v hóa đơn chứng từ khi bán phiếu quà tặng.

Trường hợp Công ty TNHH M12 Plus (Sau đây gọi là Công ty) có phát sinh nghiệp vụ bán voucher (phiếu quà tặng) thì khi thu tiền Công ty không phải lập hóa đơn mà lập phiếu thu, các khách hàng mua voucher (phiếu quà tặng) lập phiếu chi theo quy định.

Khi khách hàng sử dụng voucher (phiếu quà tặng) để mua hàng hóa, dịch vụ thì bên bán hàng hóa, dịch vụ lập hóa đơn, kê khai thuế theo quy định.

3. Công văn số 45073/CT-TTHT của Cục thuế TP Hà Nội ngày 02/06/2020 V/v giao dịch liên kết.

Trường hợp Công ty TNHH thương mại T&H có phát sinh giao dịch liên kết thì Công ty xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP. Trong đó: Chi phí lãi vay là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ (không phân biệt chi phí lãi vay phát sinh từ các bên liên kết hay từ các bên độc lập); Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ thuế của Công ty.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

4. Công văn số 45505/CT-TTHT của Cục thuế TP Hà Nội ngày 03/06/2020 v/v hướng dẫn sử dụng hoá đơn điện tử.

Trường hợp Công ty TNHH Teayeon Medical Việt Nam đáp ứng các điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài Chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử. Trước khi sử dụng đề nghị Công ty thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty phải dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn điện tử và thực hiện hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công ty có trách nhiệm nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng từ ngày đầu tháng đến hết ngày sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế và chuyển sang nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quý cho cơ quan thuế kể từ ngày kế tiếp theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 39/2014/TT-BTC

Công ty TNHH Teayeon Medical Việt Nam phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc khởi tạo, lập và sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.

5. Công văn số 47397/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 05/06/2020 V/v chi phí được trừ khi ủy thác quản lý, xử lý tài sản đảm bảo.

Trường hợp Ngân hàng BIDV nhận tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của khách hàng (tài sản đảm bảo) sau đó thực hiện ủy thác quyền quản lý, xử lý tài sản cho Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng BIDV (Công ty BAMC) nếu trong hợp đồng ủy thác, 2 bên cùng khách hàng vay thống nhất các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình xử lý tài sản đảm bảo (chi phí thẩm định giá, quản lý tài sản...) do Ngân hàng BIDV thực hiện chi thì khi Công ty BAMC ký hợp đồng với các nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá, quản lý tài sản... hóa đơn do các nhà cung cấp dịch vụ lập, xuất cho Ngân hàng BIDV được xác định là chứng từ hợp lệ để hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

Trường hợp các hóa đơn cung cấp dịch vụ mang tên, mã số thuế Công ty BAMC, khi Ngân hàng BIDV thành toán chi phí xử lý tài sản đảm bảo cho Công ty BAMC thì Công ty BAMC phải lập hóa đơn cho Ngân hàng. Ngân hàng BIDV sử dụng hóa đơn này làm chứng từ để hạch toán vào chi phí được trừ theo quy định.

Trường hợp Ngân hàng BIDV phát sinh chi phí tạm ứng trước để xử lý tài sản mà các khoản chi phí này có hóa đơn chứng từ mang tên khách hàng vay thì không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính, do vậy Ngân hàng không được hạch toán vào chi phí trừ khi xác định thu nhập thuế TNDN.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

6. Công văn số 48514/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 08/06/2020 V/v chính sách thuế đối với tiền thưởng cho đại lý.

Trường hợp Công ty TNHH Morinda Việt Nam ký hợp đồng bán hàng với các đại lý bán buôn là hộ kinh doanh. Theo hợp đồng, Công ty sẽ chỉ chi đại lý khoản thưởng bằng tiền mặt tương ứng với kết quả kinh doanh của đại lý thì:

- Khi chi trả khoản thưởng cho đại lý, Công ty lập chứng từ chi tiền căn cứ mục đích chi, đại lý lập chứng từ thu theo quy định. Công ty thực hiện khai thuế, nộp thuế thay cho đại lý là cá nhân kinh doanh theo tờ khai thuế mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính với thuế suất thuế TNCN là 1%.
- Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản tiền thưởng nêu trên nếu có đầy đủ chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

7. Công văn số 48057/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 08/06/2020 V/v chính sách thuế đối với giao dịch liên kết.

Trường hợp Công ty TNHH điện Stanley Việt Nam có phát sinh khoản chi trả khoản phí trợ giúp bán hàng cho Công ty Stanley Nhật Bản (STJ) thông qua hợp đồng đã ký ngày 01/04/2015 về việc trợ giúp bán hàng (là hợp đồng giới thiệu mại theo quy định của pháp luật) thì Công ty được trừ các khoản chi phí nêu trên khi xác định thu nhập chịu thuế

thu nhập Doanh nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty có phát sinh giao dịch liên kết không phù hợp bản chất giao dịch độc lập hoặc không góp phần tạo ra doanh thu, thu nhập cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP thì không được trừ vào chi phí tính thuế trong kỳ.

8. Công văn số 50613/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 11/06/2020 V/v sử dụng hóa đơn điện tử nhiều hơn một trang.

Để phù hợp với đặc thù của HĐĐT, trường hợp Công ty CP tiếp vận Hòa Phát chuyển đổi HĐĐT ra giấy, nếu số lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra nhiều hơn số dòng của một trang hóa đơn thì Công ty thực hiện tương tự trường hợp sử dụng hóa đơn tự in mà việc lập và in hóa đơn thực hiện trực tiếp từ phần mềm và số lượng hàng hóa, dịch vụ bán ra nhiều hơn số dòng của một trang hóa đơn, cụ thể:

Công ty được thể hiện hóa đơn nhiều hơn một trang nếu trên phần đầu trang sau của hóa đơn có hiển thị: cùng số hóa đơn như của trang đầu (do hệ thống máy tính cấp tự động); cùng tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, người bán như trang đầu; cùng mẫu và ký hiệu hóa đơn như trang đầu; kèm theo ghi chú bằng tiếng Việt không dấu “tiếp theo trang trước – trang X/Y” (trong đó X là số thứ tự trang và Y là tổng số trang của hóa đơn đó).

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

9. Công văn số 51237/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 12/06/2019 V/v Thuế nhà thầu.

Trường hợp Tổng Công ty truyền thông (VNPT – Media) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với nhà thầu nước ngoài có địa chỉ trụ sở tại Mỹ để cung cấp dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì Nhà Thầu nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông số 103/2014/TT-BTC.

Nếu Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8, Mục 2, Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Tổng Công ty có trách nhiệm kê khai, nộp thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

- ❖ Đối với thu nhập nhà thầu nước ngoài thu được từ việc phân chia doanh thu phát sinh từ các khoản trả tiền dịch vụ My English của khách hàng:
- Thuế GTGT: Trường hợp dịch vụ này được xác định là dịch vụ phần mềm theo quy định tại Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/07/2007 của Chính phủ thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trường hợp dịch vụ này không được xác định là dịch vụ phần mềm theo Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/07/2007 của Chính phủ thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với dịch vụ 5%
- Thuế TNDN: Trường hợp thu nhập nhà thầu nước ngoài nhận được từ hoạt động chuyển giao cho Tổng công ty sản phẩm và giải pháp học tiếng Anh trực tuyến được xác định là thu nhập từ tiền bản quyền theo quy định tại Khoản 3

Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/06/2014 của Bộ Tài chính thì tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên Doanh thu tính thuế là 10%. Trường hợp không phải là thu nhập từ tiền bản quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 103/2014/TTBTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính thì áp dụng tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với dịch vụ là 5%

Đề nghị Tổng Công ty liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin và truyền thông để được xác định cụ thể loại hình hoạt động của nhà thầu nước ngoài đối với hợp đồng thầu ký với Tổng Công ty có phải là dịch vụ phần mềm hay không; từ đó căn cứ tính hình thực tế và đối chiếu với các hướng dẫn nêu trên để áp dụng theo đúng quy định.

- ❖ Đối với thu nhập nhà thầu nước ngoài thu được từ dịch vụ cung cấp lao động là các giáo viên nước ngoài thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, TNDN theo tỷ lệ như sau:
 - Thuế GTGT: áp dụng tỷ lệ 5%
 - Thuế TNDN: áp dụng tỷ lệ 5%

10. Công văn số 53378/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 17/06/2020 V/v thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ xuất khẩu thiết kế.

Trường hợp Công ty Suido Kiko cung ứng dịch vụ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

11. Công văn số 51239/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 12/06/2020 V/v xác định thu nhập chịu thuế TNCN đối với khoản tiền thuê nhà trả hộ cho NLĐ nước ngoài.

Trường hợp Công ty TNHH V Media & Culture có người lao động nước ngoài là cá nhân không cư trú tại Việt Nam được Công ty chi trả hộ tiền thuê nhà tại Việt Nam thì số tiền thuê nhà tính vào thu nhập chịu thuế TNCN theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam (Chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)) theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Trường hợp Công ty đã nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN năm 2019 nhưng phát hiện ra sai sót thì Công ty thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Về số thuế TNCN nộp thừa, đề nghị Công ty thực hiện xử lý số tiền thuế TNCN nộp thừa theo quy định tại Điều 33 Thông tư 156/2013/TT-BTC nêu trên.

12. Công văn số 53070/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 17/06/2020 V/v thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ khám chữa bệnh.

Việc xác định đối tượng chịu thuế GTGT đối với các dịch vụ trong lĩnh vực y tế không phụ thuộc vào việc dịch vụ đó có thuộc danh mục các dịch vụ được bảo hiểm y tế chi trả không

Trường hợp trong gói chữa bệnh (theo quy định của Bộ y tế) bao gồm cả sử dụng thuốc chữa bệnh thì khoản thu từ tiền thuốc chữa bệnh nằm trong gói dịch vụ chữa bệnh cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Đề nghị Công ty nghiên cứu các dịch vụ quy định tại Khoản 9 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi tại Tiết a Khoản 1 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC) và căn cứ thực tế các dịch vụ Công ty cung cấp để xác định đối tượng chịu thuế GTGT theo đúng quy định của pháp luật.

13. Công văn số 55967/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 23/06/2020 V/v chi phí hợp lý khi tính thuế.

Trường hợp Công ty TNHH GRAB ký hợp đồng bán mã code sử dụng dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bưu chính, giao hàng... cho Công ty CP đầu tư địa ốc Sông Hồng thì phải lập hóa đơn theo hướng dẫn tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Các khoản chi nếu không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật thì không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

14. Công văn số 53798/CT-TTHT của Cục Thuế TP Hà Nội ngày 18/06/2020 V/v kê khai thuế GTGT TNDN.

Việc Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến về nguyên tắc như sau:

- Ngày lập hóa đơn đối với cung ứng dịch vụ là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thực hiện thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền.
- Căn cứ hóa đơn đã lập, Công ty TNHH đầu tư và xây dựng và phát triển hạ tầng kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo hướng dẫn tại Khoản 8 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.
- Các khoản chi tương ứng với doanh thu tính thuế được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.
- Sau khi hết hạn hồ sơ khai thuế theo quy định, Công ty phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC nêu trên

15. Công văn số 58078/CT-TTHT v/v chính sách thuế GTGT đối với mặt hàng nông sản.

Trả lời Công văn số 1206/CV-BM đề ngày 12/06/2020 của Công ty TNHH kỹ thuật và thương mại Ban Mai hỏi về Chính sách thuế GTGT đối với sản phẩm nông sản.

Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng) chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của các tổ chức, cá nhân tự sản xuất bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC
- Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.
- Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế, bảo quản ở khâu kinh doanh thương mại, trừ các trường hợp hướng dẫn tại khoản 5 Điều 5 Thông tư thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 10 thông tư số 219/2013/TT-BTC.
- Sản phẩm trồng trọt đã qua chế biến thành sản phẩm khác thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.
- Các hình thức sơ chế, bảo quản thông thường được xác định theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- | | |
|---------|--|
| 19 - 20 | Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14: Hiệu lực từ ngày 1/7/2020 - Những điểm mới nổi bật. |
| 21 - 22 | Giảm thuế TNDN cho doanh nghiệp có doanh thu dưới 200 tỷ đồng. |
| 22 - 24 | Cách xử lý hóa đơn giá trị gia tăng viết sai nhanh chóng, chính xác. |



Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14: Hiệu lực từ ngày 1/7/2020 - Những điểm mới nổi bật.

Ngày 13/6/2019, tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XIV, Quốc hội đã qua Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (sau đây gọi là Luật QLT 38) với nhiều nội dung quan trọng, nổi bật theo hướng cải cách tài chính công, cải cách thủ tục hành chính thuế đi vào thực chất, đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp, hướng tới hoạt động quản lý thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản hóa, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế. Luật QLT 38 có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2020.

Một số nội dung nổi bật tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14:

Thứ nhất, mở rộng quyền của người nộp thuế:

Tại Điều 16 Luật QLT 38 thì bên cạnh các quyền quy định tại Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11, nhiều quyền mới của người nộp thuế đã được bổ sung nhằm đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế như:

- Được nhận văn bản liên quan đến nghĩa vụ thuế của các cơ quan chức năng khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.
- Được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số tiền thuế không được hoàn và căn cứ pháp lý đối với số tiền thuế không được hoàn.
- Được tra cứu, xem, in toàn bộ chứng từ điện tử mà mình đã gửi đến cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật về giao dịch điện tử.
- Được sử dụng chứng từ điện tử trong giao dịch với cơ quan quản lý thuế và cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

Thứ hai, kéo dài thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN.

Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 44 Luật QLT 38 cho phép cá nhân phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN được nộp hồ sơ chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (kéo dài thêm 01 tháng so với Luật Quản lý thuế 78/2006/QH11 là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch).

Với quy định này giúp các cá nhân có thêm thời gian hoàn thiện hồ sơ quyết toán thuế TNCN đồng thời giúp cho các tổ chức chi trả thu nhập kịp thời cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN cho các cá nhân phải trực tiếp quyết toán. Ngoài ra, quy định này cũng giúp Cơ quan Thuế có đầy đủ cơ sở dữ liệu để giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế TNCN của các cá nhân.

Thứ ba, bổ sung dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do đại lý thuế cung cấp.

Theo điểm c khoản 1 Điều 104 Luật QLT 38 đã bổ sung chức năng cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ cho đại lý thuế. Đây là quy định cho phép các đại lý thuế thêm chức năng cung cấp dịch vụ kế toán ngoài việc cung cấp dịch vụ đại lý thuế đang thực hiện. Chức năng này phù hợp với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, giúp những doanh nghiệp siêu nhỏ tiết kiệm chi phí khi thay vì phải thuê hai đơn vị thực hiện 02 dịch vụ (tư vấn thuế và kế toán) nay chỉ cần một đơn vị thực hiện hai nhiệm vụ trên.

Thứ tư, siết chặt quản lý hoạt động chuyển giá.

Hiện nay, hành vi trốn thuế thông qua chuyển giá ngày càng phổ biến. Để ngăn chặn tình trạng trên, Luật QLT 38 nghiêm cấm hành vi: Thông đồng, móc nối, bao che giữa người nộp thuế và công chức quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế để chuyển giá, trốn thuế. (Khoản 1, Điều 6).

Ngoài ra, để quản lý chặt chẽ hành vi trốn thuế, khoản 5 Điều 42 Luật QLT 38 cũng quy định nguyên tắc kê khai, xác định giá tính thuế đối với giao dịch liên kết như sau:

- Kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc phân tích, so sánh với các giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp như trong điều kiện giao dịch giữa các bên độc lập;
- Giá giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giao dịch độc lập để kê khai, xác định số tiền thuế phải nộp theo nguyên tắc không làm giảm thu nhập chịu thuế;

Lưu ý: Người nộp thuế có quy mô nhỏ, rủi ro về thuế thấp được miễn thực hiện quy định kê khai, xác định giá tính thuế theo nội dung trên và được áp dụng cơ chế đơn giản hóa trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết.

Đặc biệt, lần đầu tiên quy định quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử trong Luật Quản lý thuế.

Khoản 4 Điều 42 Luật QLT 38 về kê khai thuế quy định: Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Với các quy định tại Luật QLT 38 sẽ tạo cơ sở cho quản lý thuế hiện đại, tiếp cận tới những chuẩn mực, thông lệ quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế thực hiện nghiêm quyền, nghĩa vụ của người nộp thuế; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thuế theo quy định pháp luật; tích cực phòng chống tham nhũng, tiêu cực./.

Giảm thuế TNDN cho doanh nghiệp có doanh thu dưới 200 tỷ đồng.

Sáng 19/6, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với DN, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Tại nghị quyết này, tiêu chí DN được giảm thuế TNDN đã được mở rộng đối với DN có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng, thay vì mức 50 tỷ đồng và quy mô lao động dưới 100 người như dự thảo trước đây.

Bỏ giới hạn quy mô lao động

Trước đó, nhiều ý kiến đề nghị mở rộng giảm thuế TNDN cho tất cả các DN Việt Nam hoặc mở rộng đối tượng giảm thuế đối với các DN có quy mô vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); đề nghị bỏ tiêu chí lao động đóng bảo hiểm để đảm bảo công bằng đối với DN có doanh thu thấp nhưng sử dụng nhiều lao động hoặc chỉ áp dụng cho các đối tượng có doanh thu năm 2020 thấp hơn năm 2019.

Giải trình nội dung này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) cho biết, nội dung của nghị quyết này hướng tới các DN khó khăn là DN có quy mô nhỏ và vừa, có khả năng tiếp cận vốn hạn chế, doanh thu thấp, thị trường hẹp, ít lao động nhưng lại chiếm tỷ lệ lớn trong thị trường lao động và nền tảng quản lý, công nghệ chưa phát triển, khả năng phục hồi sau dịch khó khăn hơn.

Mặt khác, nếu áp dụng cả 4 tiêu chí về lao động, doanh thu, vốn và có sự phân biệt theo ngành nghề, lĩnh vực hoạt động như quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV làm cơ sở xác định đối tượng được giảm thuế sẽ khó để triển khai hỗ trợ kịp thời cho các DN ngay trong năm 2020. Trong khi đó, nếu lấy tiêu chí doanh thu sẽ phản ánh thực chất kết quả hoạt động kinh doanh của DN, đúng bản chất kinh tế, thuận lợi cho DN trong việc kê khai thuế và công tác quản lý của cơ quan thuế.

Trường hợp chỉ áp dụng đối với những đối tượng có doanh thu 2020 giảm so với doanh thu năm 2019 thì các DN mới thành lập năm 2020 sẽ không có doanh thu của năm 2019 để đối chiếu và dễ phát sinh tiêu cực khi tổ chức thực hiện.

Do đó, UBTVQH đã chỉ đạo cơ quan thẩm tra và cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của đại biểu, bỏ tiêu chí về số lao động đóng bảo hiểm để bảo đảm tính công bằng cho các DN sử dụng nhiều lao động và bổ sung đối tượng được giảm 30% thuế TNDN đối với DN có quy mô vừa trong dự thảo nghị quyết.

Theo đó, tiêu chí xác định DN có quy mô vừa được giảm thuế là DN có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng, tương đương với tiêu chí về doanh thu để xác định DN vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng theo quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV, do tình hình khó khăn nên nhiều DN thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ khó đạt doanh thu 200 tỷ đồng.

Việc thực hiện mở rộng đối tượng được giảm thuế nêu trên thì số giảm thu ngân sách nhà nước năm 2020 tăng từ 15.840 tỷ đồng lên khoảng 23.000 tỷ đồng so với phương án Chính phủ trình.

DN có thu nhập vẫn cần được hỗ trợ

Ngoài ra, nhiều ý kiến đề nghị cần có sự phân biệt đối với lĩnh vực và DN bị ảnh hưởng tiêu cực so với những lĩnh vực, DN vẫn có tăng trưởng, theo đó loại trừ đối với những DN, lĩnh vực có tỷ suất lợi nhuận cao sẽ không thuộc đối tượng được giảm thuế TNDN theo nghị quyết này.

Theo UBTVQH, mục tiêu chính sách là đảm bảo việc giảm thuế TNDN áp dụng đúng đối tượng DN quy mô nhỏ và vừa bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, ngoài ra còn góp phần thực hiện mục tiêu về hỗ trợ, phát triển DN quy mô nhỏ và vừa theo Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân và để cụ thể một bước Luật Hỗ trợ DNNVV.

Việc tách biệt ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh để làm cơ sở xác định đối tượng được giảm thuế có nhiều khó khăn khi các DN có xu hướng kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực như hiện nay.

Mặt khác, việc giảm thuế TNDN cho DN có quy mô nhỏ và vừa là nhằm hỗ trợ chung cho các DN có thêm nguồn lực phục hồi, tăng tích lũy để đầu tư sản xuất, kinh doanh. Do đó, UBTVQH xin Quốc hội cho phép không loại trừ các DN vẫn có tăng trưởng ra khỏi đối tượng điều chỉnh của dự thảo nghị quyết.

Cách xử lý hóa đơn giá trị gia tăng viết sai nhanh chóng, chính xác.

Cách xử lý hóa đơn giá trị gia tăng viết sai như thế nào để có thể đảm bảo nhanh chóng, chính xác với mọi lỗi sai như: ngày tháng, tên công ty, tên hàng hóa, đơn giá, tiền thuế, tiền bằng chữ,... Bài viết dưới đây sẽ cùng bạn giải đáp vấn đề này một cách chi tiết nhất.

1. Cách xử lý hóa đơn giá trị gia tăng viết sai nhưng chưa xé cuốn

Cách xử lý hóa đơn giá trị gia tăng viết sai với các lỗi như: sai ngày tháng năm, sai tên công ty, sai địa chỉ, sai mã số thuế, sai tên hàng hóa, sai hóa đơn, sai thuế xuất, sai thành tiền,... nhưng nếu chưa xé cuốn hóa đơn thì đều sẽ được xử lý như sau:

- Đầu tiên, bạn chỉ cần gạch chéo các liên hóa đơn là được. Cũng cần lưu ý phải lưu nguyên hóa đơn sai này tại cuống để sau này có thể giải trình dễ dàng với cơ quan thuế.
- Tiếp theo, bạn chỉ cần xuất lại hóa đơn mới là xong.

Một ví dụ minh họa cụ thể như: Vào ngày 18/12/2019, kế toán Công ty Cổ phần Công nghệ Thái Sơn đã xuất hóa đơn cho Công ty A. Nhưng sau đó phát hiện lỗi sai đơn giá dịch vụ nhưng chưa xé cuống. Khi này, cách xử lý chỉ cần Công ty Cổ phần Công nghệ Thái Sơn không xé cuống hóa đơn lập sai và lập hóa đơn mới là xong.

Ngoài ra, cũng tương tự như hóa đơn giấy, hóa đơn điện tử nếu lập sai bất kể tiêu thức nào nhưng chưa xuất hay đã xuất nhưng chưa gửi đi, bạn chỉ cần hủy bỏ số hóa đơn bị sai đó và lập lại mới là xong.

Riêng với những hóa đơn có mã của cơ quan thuế, khi phát hiện sai sót mà chưa gửi cho bên mua thì bên bán cần:

- Thông báo với cơ quan thuế về việc hủy hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đã lập nhưng có sai sót theo Mẫu số 04 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119 của Chính Phủ.
- Tiếp theo, bên bán lập hóa đơn điện tử mới, ký số hoặc ký điện tử rồi gửi tới cơ quan thuế để được cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập sai để có thể gửi cho người mua.

2. Xử lý hóa đơn GTGT viết sai đã xé cuống

Để có thể xử lý hóa đơn GTGT viết sai nhưng đã xé cuống thì kế toán cần phải chia thành hai trường hợp cụ thể: trường hợp hóa đơn viết sai song chưa giao cho khách hàng và trường hợp đã giao cho khách hàng để có cách xử lý chính xác nhất.

Trường hợp hóa đơn GTGT viết sai, đã xé cuống, chưa giao cho khách hàng

Với bất kể lỗi viết sai hóa đơn GTGT nào, hóa đơn đã xé cuống và chưa giao cho khách hàng thì kế toán doanh nghiệp có thể xử lý như sau:

- Trước tiên, kế toán cần kẹp liên 2 đã xé vào vị trí cũ vừa xé.
- Tiếp đó, kế toán gạch chéo các liên của hóa đơn đã viết sai thông tin.
- Cuối cùng, kế toán sẽ xuất lại hóa đơn mới là xong.

Khi xử lý trường hợp này, các kế toán doanh nghiệp cũng cần phải lưu ý là chỉ xử lý hóa đơn thu hồi và xuất hóa đơn mới trong cùng một ngày.

Trường hợp hóa đơn GTGT viết sai, đã xé cuống, đã giao cho khách hàng

Muốn xử lý các hóa đơn GTGT viết sai đã xé cuống và đã giao cho khách hàng thì cần căn cứ từng trường hợp cụ thể hơn để đưa ra cách xử lý phù hợp, đúng pháp luật.

- Nếu hóa đơn viết sai chưa kê khai

Theo đó, nếu hóa đơn đã giao cho khách hàng nhưng chưa kê khai thì cách xử lý hóa đơn giá trị gia tăng viết sai như sau:

- Hai bên bán và mua phải lập biên bản thu hồi các liên của hóa đơn đã lập bị sai. Lưu ý rằng biên bản thu hồi này phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của cả 2 bên, cần ghi rõ lý do thu hồi và sử dụng đúng mẫu biên bản thu hồi hóa đơn hiện hành.
- Bên bán gạch chéo các liên và cần phải lưu giữ các số hóa đơn đã lập bị sai.
- Cuối cùng, bên bán xuất lại hóa đơn mới theo đúng quy định pháp lập. Cả hai bên bán mua sẽ dùng hóa đơn mới lập để kê khai thuế.

- Nếu hóa đơn viết sai đã kê khai

Nếu trường hợp hóa đơn GTGT viết sai đã giao cho khách, đã được tiến hành kê khai song sai sót này không ảnh hưởng đến tiêu thức số tiền thì kế toán doanh nghiệp có thể xử lý như sau:

- Hai bên cần lập biên bản điều chỉnh hóa đơn viết sai.
- Bên bán cần tiến hành điều chỉnh sai sót trên hóa đơn điều chỉnh. Hóa đơn điều chỉnh này phải ghi rõ: Nội dung điều chỉnh hóa đơn GTGT số... ký hiệu... Đồng thời cập nhật đúng mẫu hóa đơn điều chỉnh hiện hành.

Còn với những hóa đơn viết sai, đã kê khai và sai sót các tiêu thức liên quan đến số tiền như: sai đơn giá, sai thuế suất, sai tiền thuế, sai tổng tiền,... thì kế toán doanh nghiệp phải xử lý như sau:

- Hai bên bán và mua điều chỉnh hóa đơn viết sai.
- Bên bán phải lập hóa đơn điều chỉnh sai sót. Nội dung hóa đơn điều chỉnh phải ghi rõ tăng/giảm số lượng, giá bán,... hàng hóa/dịch vụ cho hóa đơn số.... ký hiệu...
- Đặc biệt lưu ý rằng hóa đơn điều chỉnh không được ghi số âm.

Như vậy, bạn đã biết cách xử lý hóa đơn GTGT viết sai một cách đơn giản, nhanh chóng và chính xác.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- | | |
|----|---|
| 26 | Nghị định số:53/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2020 của Chính Phủ. |
| 27 | Thông tư số:37/2020/TT-BTC ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính.. |
| 27 | Thông tư số:09/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Công Thương. |



Nghị định số:53/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2020 của Chính Phủ.

Ngày 5 tháng 5 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Cụ thể, mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.

Bên cạnh đó, mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m³/ngày (24 giờ) áp dụng phí cố định tính theo khối lượng nước thải (không áp dụng mức phí biến đổi) như sau:

Thứ nhất, áp dụng mức phí 1,5 triệu đồng cho năm 2020.

Thứ hai, kể từ ngày 01/01/2021 trở đi, áp dụng theo Biểu sau: Lưu lượng nước thải bình quân từ 10 - 20 m³/ngày có mức phí là 04 triệu đồng/năm; Từ 5 – 10 m³/ngày có mức phí 03 triệu đồng/năm; Dưới 5 m³/ngày có mức phí 2,5 triệu đồng/năm.

Đáng chú ý, Chính phủ quy định 07 trường hợp được miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đó là: Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện; Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra; Nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các xã; Nước thải từ nước mưa tự nhiên chảy tràn; Nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy sản của ngư dân;...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2020.

Nghị định này làm hết hiệu lực Nghị định 154/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Thông tư số:37/2020/TT-BTC ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 7 tháng 5 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 37/2020/TT-BTC Về việc Quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán.

Cụ thể, kể từ ngày 07/5/2020 đến hết ngày 31/12/2020, nộp phí, lệ phí bằng 50% mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư 272/2016/TT-BTC.

Riêng mức thu lệ phí cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận hành nghề chứng khoán cho cá nhân hành nghề chứng khoán tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán và phí giám sát hoạt động chứng khoán thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư 272/2016/TT-BTC.

Kể từ ngày 01/01/2021 trở đi, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư 272/2016/TT-BTC.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 07/5/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

Thông tư số:09/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Công Thương.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 09/2020/TT-BCT Quy định về lộ trình áp dụng cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan.

Theo đó, hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh, chuyển khẩu, nếu nhập khẩu vào hoặc tái xuất ra khỏi Việt Nam qua biên giới đất liền thì việc nhập khẩu, tái xuất đó chỉ được thực hiện qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính được mở theo quy định tại Nghị định 112/2014/NĐ-CP. Quy định này được áp dụng cho cả hàng hóa nước ngoài tạm nhập tái xuất gửi kho ngoại quan nếu hàng hóa được nhập khẩu vào hoặc tái xuất ra khỏi Việt Nam qua biên giới đất liền.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 30/6/2020. Quy định trên được áp dụng từ 0h00' ngày 01/01/2021

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 07/2020

29	Nghị định
30 – 31	Thông tư
32	Luật
33	Quyết định



STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Nghị định 69/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.	BH: 24/06/2020 HL: 01/07/2020
2	Nghị định 53/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.	BH: 05/05/2020 HL: 01/07/2020
3	Nghị định 26/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước.	BH: 28/02/2020 HL: 01/07/2020
4	Nghị định 54/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 127/2015/NĐ-CP ngày 14/12/2015 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương.	BH: 18/05/2020 HL: 07/07/2020
5	Nghị định 57/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và NĐ 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung 1 số điều của NĐ 122/2016/NĐ-CP.	BH: 25/05/2020 HL: 10/07/2020
6	Nghị định 55/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành án hình sự về thi hành án đối với pháp nhân thương mại.	BH: 22/05/2020 HL: 15/07/2020
7	Nghị định 61/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định về bảo hiểm thất nghiệp.	BH: 29/05/2020 HL: 15/07/2020
8	Nghị định 58/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.	BH: 27/05/2020 HL: 15/07/2020
9	Nghị định 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.	BH: 01/06/2020 HL: 20/07/2020
10	Nghị định 64/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tạm quản theo Công ước Istanbul.	BH: 10/06/2020 HL: 30/07/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Thông tư 40/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ báo cáo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập tại Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ và Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ.	BH: 15/05/2020 HL: 01/07/2020
2	Thông tư 57/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ.	BH: 13/05/2020 HL: 01/07/2020
3	Thông tư 39/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo tại một số Thông tư trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.	BH: 15/05/2020 HL: 01/07/2020
4	Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.	BH: 19/05/2020 HL: 01/07/2020
5	Thông tư 31/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.	BH: 04/05/2020 HL: 01/07/2020
6	Thông tư 01/2020/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.	BH: 06/04/2020 HL: 01/07/2020
7	Thông tư 29/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng về việc quy định mối quan hệ công tác của ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; chức trách, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ.	BH: 10/03/2020 HL: 01/07/2020
8	Thông tư 54/2019/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.	BH: 31/12/2019 HL: 01/07/2020
9	Thông tư 19/2020/TT-BCA của Bộ Công an quy định về thực hiện dân chủ trong công tác quản lý xuất nhập cảnh của Công an nhân dân.	BH: 21/02/2020 HL: 01/07/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
10	Thông tư 21/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà chung cư.	BH: 31/12/2019 HL: 01/07/2020
11	Thông tư 22/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.	BH: 31/12/2019 HL: 01/07/2020
12	Thông tư 12/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.	BH: 22/05/2020 HL: 07/07/2020
13	Thông tư 04/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về đơn giá khoán, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và Ban điều hành quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định 20/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước.	BH: 25/05/2020 HL: 10/07/2020
14	Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.	BH: 26/05/2020 HL: 11/07/2020
15	Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.	BH: 26/05/2020 HL: 11/07/2020
16	Thông tư 12/2020/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.	BH: 29/05/2020 HL: 15/07/2020
17	Thông tư 58/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh.	BH: 12/06/2020 HL: 27/07/2020
18	Thông tư 10/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc bãi bỏ Thông tư 03/2014/TT-BCT ngày 25/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về công nghệ, thiết bị sản xuất gang, thép.	BH: 15/06/2020 HL: 31/07/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Luật Thư viện, số 46/2019/QH14.	BH: 21/11/2019 HL: 01/07/2020
2	Luật Dân quân tự vệ, số 48/2019/QH14.	BH: 22/11/2019 HL: 01/07/2020
3	Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, số 49/2019/QH14.	BH: 22/11/2019 HL: 01/07/2020
4	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, số 47/2019/QH14.	BH: 22/11/2019 HL: 01/07/2020
5	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, số 51/2019/QH14.	BH: 25/11/2019 HL: 01/07/2020
6	Luật Lực lượng dự bị động viên, số 53/2019/QH14.	BH: 26/11/2019 HL: 01/07/2020
7	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, số 52/2019/QH14.	BH: 25/11/2019 HL: 01/07/2020
8	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán Nhà nước, số 55/2019/QH14.	BH: 26/11/2019 HL: 01/07/2020
9	Luật Kiến trúc của Quốc hội, số 40/2019/QH14.	BH: 13/06/2019 HL: 01/07/2020
10	Luật Giáo dục của Quốc hội, số 43/2019/QH14.	BH: 14/06/2019 HL: 01/07/2020
11	Luật Quản lý thuế của Quốc hội, số 38/2019/QH14.	BH: 13/06/2019 HL: 01/07/2020
12	Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước của Quốc hội, số 29/2018/QH14.	BH: 15/11/2018 HL: 01/07/2020

QUYẾT ĐỊNH

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Quyết định 941/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.	BH: 04/06/2020 HL: 01/07/2020
2	Quyết định 16/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia.	BH: 15/05/2020 HL: 01/07/2020
3	Quyết định 17/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù đối với Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y và Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	BH: 29/05/2020 HL: 15/07/2020

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc văn phòng
VG Building, số 235
Nguyễn Trãi, Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN.MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hoang
Anh Safomec, 7/1 Thanh
Thai, P.14, Q.10, TP. Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN.MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, P Trần Hưng Đạo
Q Hoàn Kiếm, TP .Hà
Nội, Việt Nam

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP.ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà
Đường Tố Hữu, Q Nam
Tứ Liêm, TP. Hà Nội.

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

